TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Lê Quang Đầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường L, Quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H (xin vắng).

Địa chỉ: Tầng C, số A, đường N, phường L, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2025).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096090019447, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu:* Ngày 20/07/2016 ông N đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đề nghị ngân hàng mở hạn mức tín dụng số tiền 60.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của ông N nên Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông với hạn mức sử dụng là 29.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân theo hồ sơ số 325-P-1108578, ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho ông N ngày 27/7/2016,

lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 39,48%/năm, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Đến ngày 30/8/2022 hạn mức thẻ của ông N được nâng lên với số tiền là 39.150.000 đồng. Quá trình giao dịch thẻ ông N có thanh toán cho ngân hàng một phần nợ gốc và lãi. Từ ngày 07/02/2024 ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 02/02/2026 là 85.058.908 đồng, trong đó nợ gốc là 35.319.631 đồng, nợ lãi 49.739.277 đồng.

Đồng thời, yêu cầu ông N tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh từ ngày 03/02/2026 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với vụ việc. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do.

* *Tại phiên tòa:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán tiền vốn vay và lãi suất còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn N cư trú tại ấp N, xã Đ, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 27/07/2016 Ngân hàng đã mở hạn mức tín dụng số tiền 29.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N, mục đích tiêu dùng cá nhân theo hồ sơ số 325-P-1108578, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 39,48%/năm. Xét thấy, giao dịch giữa Ngân hàng và ông N là hợp pháp, bởi lẽ chủ thể giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, việc xác lập hợp đồng là ý chí tự nguyện của các bên, về lãi suất cho vay phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh hiệu lực của các bên kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử đến ngày 30/08/2022 hạn mức sử dụng thẻ tín dụng của ông Đ được nâng lên số tiền là 39.150.000 đồng. Xét thấy, đến ngày 07/02/2024 ông Đ không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 02/02/2026 là 85.058.908 đồng, trong đó nợ gốc là 35.319.631 đồng, nợ lãi 49.739.277 đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 là phù hợp.

Kể từ ngày 03/02/2026 ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.252.945 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 02/02/2026 là 85.058.908 đồng, trong đó nợ gốc là 35.319.631 đồng, nợ lãi 49.739.277 đồng.

Kể từ ngày 03/02/2026 ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí với số tiền là 4.252.945 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại toàn bộ số tiền 1.879.544 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002075 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân